

Số: /KH-GD&ĐT

Lệ Thủy, ngày tháng 3 năm 2023

KẾ HOẠCH
Thực hiện chuyển đổi số ngành giáo dục và đào tạo năm 2023

Căn cứ Kế hoạch số 2818/KH-UBND ngày 30/11/2022 của UBND huyện Lệ Thủy về thực hiện Chuyển đổi số huyện Lệ Thủy năm 2023, Kế hoạch số 53/KH-SGDĐT ngày 13/01/2023 của Sở GD&ĐT về việc thực hiện Chuyển đổi số ngành giáo dục Quảng Bình năm 2023, Kế hoạch 187/KH-GDDT ngày 01/03/2023 của Phòng GD&ĐT Lệ Thủy về việc Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong giáo dục và đào tạo giai đoạn 2023-2025, định hướng đến năm 2030 của Phòng GD&ĐT Lệ Thủy, Phòng GD&ĐT ban hành Kế hoạch thực hiện như sau:

I. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung

- Tiếp tục duy trì và nâng cao chất lượng các chỉ tiêu đã đạt được trong thời gian qua để từng bước hoàn thành các nhiệm vụ được giao tại Kế hoạch số 98-KH/HU ngày 29/7/2022 của Ban Thường vụ Huyện ủy thực hiện Nghị quyết số 07-NQ/TU ngày 31/3/2022 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về chuyển đổi số; Kế hoạch số 2751/KH-UBND ngày 22/11/2022 của UBND huyện Lệ Thủy về việc thực hiện Kế hoạch số 98-KH/HU ngày 29/7/2022 của Ban thường vụ Huyện ủy thực hiện Nghị quyết số 07-NQ/TU ngày 31/3/2022 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Quảng Bình.

- Đẩy mạnh ứng dụng CNTT trong hoạt động của các cơ quan quản lý và các CSGD, gắn kết với cải cách hành chính nhằm hiện đại hóa nền hành chính và nâng cao chất lượng, hiệu quả phục vụ người dân và doanh nghiệp về lĩnh vực GDĐT. Tiếp tục đầu tư phát triển hạ tầng kỹ thuật, các hệ thống thông tin, CSDL dùng chung, chuyên ngành và công tác bảo đảm an toàn, an ninh thông tin nhằm đẩy mạnh nhiệm vụ Chuyển đổi số trong GDĐT. Bước đầu áp dụng tiến bộ công nghệ để thúc đẩy đổi mới sáng tạo trong dạy và học, nâng cao chất lượng và cơ hội tiếp cận giáo dục, hiệu quả QLGD; xây dựng nền giáo dục mở thích ứng trên nền tảng số, góp phần phát triển Chính phủ số, kinh tế số và xã hội số, góp phần hoàn thành các mục tiêu chuyển đổi số thuộc lĩnh vực GDĐT huyện Lệ Thủy

2. Mục tiêu cụ thể

2.1. Chính quyền số

- 100% thủ tục hành chính đủ điều kiện theo quy định của pháp luật được cung cấp bằng hình thức DVCTT mức độ 4. Tỷ lệ hồ sơ trực tuyến phát sinh của từng DVCTT (toàn trình và một phần) tối thiểu 30% trở lên.

- Tỷ lệ văn bản, hồ sơ công việc được xử lý trên môi trường mạng tại phòng GD&ĐT đạt trên 92% (trừ hồ sơ công việc thuộc phạm vi bí mật nhà nước).

- 100% chỉ tiêu chế độ báo cáo định kỳ của Phòng GD&ĐT được thực hiện trên hệ thống quản lý văn bản điều hành, 100% các báo cáo của các CSGD được thực hiện qua trang thông tin điện tử.

- 40% CSDL chuyên ngành được xây dựng; 100% CSDL thuộc danh mục CSDL dùng chung của tỉnh được kết nối, chia sẻ dữ liệu

- 100% cơ sở giáo dục thực hiện tốt chế độ báo cáo trên cơ sở dữ liệu ngành giáo dục.

- 100% các cơ sở giáo dục phổ thông triển khai sổ điểm điện tử đối với tất cả các khối lớp, triển khai học bạ điện tử đối với các lớp đầu cấp.

- 100% cán bộ, công chức, viên chức và người lao động trong toàn ngành được phổ biến, quán triệt thường xuyên về trách nhiệm và kỹ năng cơ bản bảo đảm ATTT.

- 100% cán bộ phụ trách CNTT của các đơn vị, CSGD được bồi dưỡng về ATTT.

- Công thông tin điện tử ngành Giáo dục và trang thông tin điện tử của phòng GD&ĐT, các CSGD cung cấp thông tin thường xuyên, đầy đủ, kịp thời, tuân thủ các quy định tại Nghị định số 42/2022/NĐ-CP của Chính phủ; triển khai có hiệu quả Cổng/trang thông tin điện tử, thư điện tử theo quy định tại Thông tư số 37/2020/TT-BGDĐT của Bộ GD&ĐT.

- Tối thiểu 80% trường THCS, trường TH&THCS triển khai có hiệu quả Phần mềm quản lý ngân hàng đề thi. 100% trường mầm non và trường phổ thông được triển khai Phần mềm Kiểm định chất lượng giáo dục.

- 100% các cơ sở giáo dục chủ trì triển khai tự đánh giá mức độ chuyển đổi số.

2.2. Kinh tế số và xã hội số

- 60% CSGD triển khai nền tảng hỗ trợ dạy, học từ xa và có thể chia sẻ tài nguyên dạy và học.

- Trên 60% trường học, CSGD trên địa bàn lắp đặt, sử dụng các phương thức thanh toán không dùng tiền mặt để thanh toán học phí và các giao dịch khác. Số lượng và giá trị giao dịch thanh toán không dùng tiền mặt trong các trường học, CSGD đạt trên 60%.

- Ti trọng nội dung chương trình giáo dục phổ thông được triển khai dưới

hình thức trực tuyến đạt trung bình 4% ở bậc tiểu học, 7% ở bậc trung học cơ sở.

- 100% CSGD được kết nối Internet băng thông rộng, có hạ tầng kỹ thuật đáp ứng được nhu cầu triển khai ứng dụng, sử dụng các hệ thống thông tin, phần mềm phục vụ chuyên đổi số; trên 80% điểm trường lẻ được phủ internet tốc độ cao.

- Tỷ lệ cán bộ, giáo viên, nhân viên có điện thoại thông minh đạt 100%.

- Tỷ lệ cán bộ, giáo viên, nhân viên có tài khoản định danh điện tử đạt 100%.

- Tỷ lệ cán bộ, giáo viên, nhân viên có tài khoản giao dịch thanh toán tại ngân hàng đạt 100%.

- Tỷ lệ hộ gia đình có kết nối Internet băng rộng cáp quang: đối với cán bộ, giáo viên, nhân viên đạt 100%; đối với gia đình học sinh đạt 60%.

- Tỷ lệ cán bộ, giáo viên, nhân viên có hồ sơ sức khỏe điện tử đạt 100%.

- Tỷ lệ cơ sở giáo dục triển khai nền tảng hỗ trợ dạy, học từ xa và có thể chia sẻ tài nguyên dạy và học đạt 60%.

III. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP

1. Nhận thức số

- Đẩy mạnh triển khai Quyết định số 146/QĐ-TTg ngày 28/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án “Nâng cao nhận thức, phổ cập kỹ năng và phát triển nguồn nhân lực chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030”; tăng cường phổ biến, quán triệt nhằm tạo sự chuyển biến trước hết về tư duy, nhận thức của cán bộ, công chức, viên chức trong xây dựng hạ tầng số, phát triển chính quyền số, kinh tế số, xã hội số.

- Hướng ứng ngày Chuyển đổi số Quốc gia và ngày Chuyển đổi số tỉnh Quảng Bình năm 2023.

- Cử cán bộ phụ trách công nghệ thông tin ở các đơn vị tham gia vào kênh truyền thông Zalo chuyển đổi số quốc gia để được cập nhật kịp thời thông tin mới nhất về chuyển đổi số phục vụ công tác, từ đó lan tỏa tuyên truyền, phổ biến, hướng dẫn cho đồng nghiệp, phụ huynh, học sinh và cộng đồng dân cư.

2. Thể chế số

- Tăng cường công tác lãnh đạo, chỉ đạo tổ chức quán triệt, thực hiện Quyết định số 131/QĐ-TTg ngày 25/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc Phê duyệt Đề án “Tăng cường ứng dụng CNTT và chuyển đổi số trong giáo dục và đào tạo giai đoạn 2022 - 2025, định hướng đến năm 2030”; Kế hoạch số 698/KH-UBND ngày 28/4/2022 về Chuyển đổi số giai đoạn đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 để thực hiện Nghị quyết số 07-NQ/TU ngày 31/3/2022 của

Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Quảng Bình; Kế hoạch số 1414/KH-UBND ngày 09/8/2022 của UBND tỉnh Quảng Bình về việc triển khai thực hiện Đề án “Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong giáo dục và đào tạo giai đoạn 2022-2025, định hướng đến năm 2030”; Kế hoạch số 98-KH/HU ngày 29/7/2022 của Ban thường vụ Huyện ủy thực hiện Nghị quyết số 07-NQ/TU ngày 31/3/2022 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Quảng Bình; Kế hoạch số 2751/KH-UBND ngày 22/11/2022 của UBND huyện Lệ Thủy về việc thực hiện Kế hoạch số 98-KH/HU ngày 29/7/2022 của Ban thường vụ Huyện ủy thực hiện Nghị quyết số 07-NQ/TU ngày 31/3/2022 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Quảng Bình; Kế hoạch số 2818/KH-UBND ngày 30/11/2022 của UBND huyện Lệ Thủy về việc thực hiện Chuyển đổi số huyện Lệ Thủy năm 2023.

- Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, quán triệt, nâng cao nhận thức của các cán bộ, công chức, viên chức, phụ huynh, học sinh về sự cần thiết của chuyển đổi số. Gắn trách nhiệm của người đứng đầu về kết quả, hiệu quả chuyển đổi số trong đơn vị; lấy việc triển khai thực hiện chuyển đổi số là một trong những tiêu chí đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ của người đứng đầu. Thực hiện có hiệu quả các chính sách thúc đẩy chuyển giao, ứng dụng công nghệ thông tin, công nghệ số phục vụ chuyển đổi số.

3. Hạ tầng số, nền tảng số, dữ liệu số

- Đảm bảo các điều kiện về hạ tầng số, trang thiết bị triển khai ứng dụng CNTT và chuyển đổi số trong GDĐT theo hướng đồng bộ, hiện đại. Rà soát, từng bước đầu tư trang thiết bị CNTT phục vụ thực hiện chuyển đổi toàn bộ địa chỉ giao thức internet thế hệ cũ (Ipv4) sang sử dụng địa chỉ giao thức internet thế hệ mới (Ipv6) đối với hệ thống ứng dụng dùng chung của tỉnh. Triển khai các biện pháp đảm bảo an toàn, an ninh thông tin các hệ thống số hóa, đảm bảo an toàn trong các hoạt động dạy - học và làm việc trên môi trường số. Ưu tiên sử dụng các mô hình dịch vụ trên nền tảng đám mây; đảm bảo kết nối Internet FTTH tới tất cả các CSGD; tất cả các CSGD có mạng LAN hoặc hệ thống wifi (có kết nối internet) để phục người học và GV tiếp cận, khai thác học liệu, tài liệu, giáo án, bài giảng điện tử, sử dụng các ứng dụng CNTT hỗ trợ dạy và học; phối hợp với các doanh nghiệp, các tổ chức có chính sách hỗ trợ dịch vụ Internet cho người học và đội ngũ nhà giáo, có chính sách máy tính phù hợp cho HS.

- Đầu tư nâng cấp thiết bị, giải pháp công nghệ phục vụ ứng dụng hội nghị, học trực tuyến, họp không giấy; thiết bị ứng dụng CNTT hỗ trợ trong công tác quản lý hành chính. Trên 10% số phòng học thông thường tại các trường phổ thông được đầu tư tích hợp (lắp) hệ thống học dạy, học trực tuyến; tăng cường thiết bị, phần mềm hỗ trợ dạy học có ứng dụng CNTT (máy chiếu, bảng tương tác thông minh, smart tivi, các phần mềm mô phỏng...).

- Triển khai hệ thống thông tin quản lý ngành GDĐT, kết nối đầy đủ, toàn diện dữ liệu từ các CSGD đến các cấp quản lý; kết nối dữ liệu ngành giáo dục với CSDL chung toàn tỉnh phục vụ công tác báo cáo, theo dõi, giám sát, cảnh báo, dự báo, kiểm tra, thanh tra... Triển khai, cập nhật đầy đủ dữ liệu toàn ngành trên hệ thống IOC và các Hệ thống thông tin, CSDL dùng chung của huyện, của tỉnh.

- Triển khai nền tảng quản trị nhà trường tích hợp không gian làm việc số tới 100% CSGD nhằm tạo môi trường làm việc và tương tác trực tuyến cho CBQL giáo dục, nhà giáo, NV và người học; đảm bảo kết nối, báo cáo liên thông dữ liệu từ CSGD với hệ thống CSDL toàn quốc của ngành giáo dục.

- Trên nền tảng CSDL, triển khai các ứng dụng hồ sơ điện tử, liên lạc giữa gia đình và nhà trường, thanh toán không dùng tiền mặt, truyền thông và kết nối với các nền tảng ứng dụng trong và ngoài ngành; triển khai mô hình quản trị nhà trường tiên tiến trên nền tảng số đảm bảo thiết thực và hiệu quả.

- Triển khai nền tảng kết nối, chia sẻ dữ liệu của ngành giáo dục kết nối với trực tích hợp, liên thông dữ liệu của tỉnh; triển khai nền tảng quản lý mã định danh, xác thực người dùng trên môi trường số của ngành giáo dục.

- Triển khai hệ thống thông tin quản lý văn bản và điều hành iOffice đến tất cả các CSGD; đẩy mạnh trong toàn ngành GDĐT sử dụng hồ sơ điện tử và chữ ký số trong công tác quản lý trường học; tăng cường nâng cao chất lượng ứng dụng CNTT trong thi, tuyển sinh, đánh giá.

- Khai thác có hiệu quả kho học liệu số, học liệu mở chia sẻ dùng chung toàn ngành, gồm bài giảng điện tử, bài dạy trên truyền hình, học liệu đa phương tiện, sách giáo khoa điện tử, phần mềm mô phỏng và các học liệu khác; triển khai hệ thống ngân hàng câu hỏi cho các môn học giáo dục phổ thông cho các trường THCS, TH& THCS theo Chương trình giáo dục phổ thông 2018.

4. Nhân lực số

- Cử cán bộ, công chức, viên chức tham gia các hội nghị, hội thảo, tọa đàm nhằm truyền thông, nâng cao kiến thức, nhận thức cho đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý, giáo viên nhân viên về chuyển đổi số, xây dựng chính quyền số.

- Cử cán bộ phụ trách CNTT tham gia các lớp bồi dưỡng chuyên sâu và nâng cao về các công nghệ mới, phương thức xây dựng; quản lý, vận hành, khai thác các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu trong chuyển đổi số, đảm bảo an toàn thông tin mạng.

- Xây dựng đội ngũ CBQL, nhà giáo có khả năng thích ứng với môi trường làm việc số và với tiến bộ khoa học công nghệ mới, có tác phong kỷ luật và đạo đức trong công việc, có khả năng tư duy đột phá, sáng tạo trong công tác quản lý, quản trị trường học, trong hoạt động giảng dạy.

- Phát huy vai trò chủ động, tích cực của các đơn vị, các CSGD trong quá trình tiếp cận và chuyển đổi số. Đổi mới nội dung, phương pháp dạy học, tích cực ứng dụng CNTT nhằm xây dựng nguồn nhân lực có khả năng tiếp nhận các xu thế công nghệ mới.

- Tham gia đầy đủ lớp bồi dưỡng chuyên sâu và nâng cao về các công nghệ mới, phương thức xây dựng, quản lý, vận hành, khai thác các hệ thống thông tin, CSDL trong chuyên đổi số, đảm bảo ATTT mạng; các khóa đào tạo, bồi dưỡng kiến thức về chuyên đổi số, kỹ năng số gắn với cải cách hành chính, công vụ; các khóa tập huấn, bồi dưỡng kỹ năng khai thác, sử dụng các hệ thống thông tin, CSDL dùng chung, chuyên ngành do tỉnh, bộ tổ chức.

- Đẩy mạnh công tác bồi dưỡng, tự bồi dưỡng nhằm nâng cao năng lực số cho đội ngũ nhà giáo, CBQL giáo dục, NV và người học; đảm bảo quản lý, làm việc hiệu quả trên môi trường số; kiện toàn nâng cao năng lực đội ngũ phụ trách ứng dụng CNTT và chuyên đổi số trong ngành giáo dục; thí điểm bồi dưỡng đội ngũ nhà giáo về kỹ năng ứng dụng CNTT tiếp cận chuẩn quốc tế tại một số CSGD có điều kiện và yêu cầu cao về nhân lực chuyên đổi số; triển khai hệ thống bồi dưỡng GV đảm bảo 100% nhà giáo có hồ sơ và tài khoản sử dụng để tự bồi dưỡng một cách chủ động, thường xuyên theo nhu cầu.

- Triển khai lồng ghép đưa nội dung phổ cập kỹ năng số và an toàn, an ninh mạng, các nền tảng mở, phần mềm nguồn mở vào chương trình giảng dạy từ cấp tiểu học để hình thành sớm các kỹ năng cần thiết cho công dân số.

- Xem xét lựa chọn, tổ chức triển khai phù hợp việc đưa nội dung phổ cập kỹ năng số và an toàn, an ninh mạng dựa trên các nền tảng mở, phần mềm nguồn mở vào chương trình giảng dạy từ cấp tiểu học hoặc từ cấp trung học cơ sở để hình thành sớm các kỹ năng cần thiết cho công dân số.

5. Chính quyền số

- Tiếp tục thực hiện Đề án 468; nâng cao chất lượng cung cấp và hiệu quả tuyên truyền, phổ biến, trợ giúp người dân và doanh nghiệp tiếp cận, sử dụng dịch vụ công trực tuyến. Triển khai biên lai điện tử cho việc thu phí, lệ phí giải quyết TTHC.

- Triển khai nâng cấp Hệ thống thư điện tử công vụ bảo đảm chất lượng phục vụ và mở rộng ứng dụng tới các đơn vị, CSGD trên địa bàn tỉnh. Tổ chức triển khai ứng dụng sâu rộng phân hệ quản lý hồ sơ công việc trên Hệ thống QLVB&ĐH; hệ thống quản lý hồ sơ cán bộ, công chức, viên chức; phần mềm quản lý công tác thi đua, khen thưởng...

- Tổ chức khai thác ứng dụng Hệ thống phần mềm dùng chung Tiếp nhận và xử lý phản ánh hiện trường của tỉnh hướng đến nâng cao chất lượng, hiệu quả quản lý nhà nước và cung cấp dịch vụ công, góp phần cải thiện môi trường sống và làm việc tốt hơn cho người dân, doanh nghiệp và khách du lịch trên địa bàn tỉnh.

- Rà soát, cắt giảm, đơn giản hóa các thủ tục hành chính, quy trình nghiệp vụ theo hướng ứng dụng hiệu quả công nghệ số.

- Tích hợp hệ thống thông tin một cửa điện tử với các hệ thống nghiệp vụ chuyên ngành để cung cấp dịch vụ số; mở rộng các dịch vụ công trực tuyến toàn trình; nghiên cứu triển khai ứng dụng công nghệ trí tuệ nhân tạo trong cung cấp dịch vụ (như trợ lý ảo, trả lời tự động); thử nghiệm nền tảng dùng chung giải

quyết một số thủ tục hành chính không dùng giấy tờ trong ngành giáo dục dựa trên nền tảng CSDL ngành GDĐT.

6. Kinh tế số, xã hội số

- Tuyên truyền, phổ biến rộng rãi về chuyển đổi nền kinh tế dựa trên công nghệ số và nền tảng số, về kinh tế số ICT, kinh tế số internet và kinh tế số ngành.

- Triển khai ứng dụng Công dân số tập trung tỉnh Quảng Bình. Tuyên truyền, phổ biến, áp dụng Bộ quy tắc ứng xử trên môi trường số, xây dựng văn hóa số trong cộng đồng.

- Tiếp tục thúc đẩy phát triển thanh toán không dùng tiền mặt theo Kế hoạch số 1509/KH-UBND ngày 19/8/2022 về việc triển khai thực hiện Quyết định số 1813/QĐ-TTg ngày 28/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án phát triển thanh toán không dùng tiền mặt tại Việt Nam giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn tỉnh Quảng Bình.

- Tiếp tục triển khai Kế hoạch số 203/KH-UBND ngày 18/02/2022 của UBND tỉnh về triển khai thực hiện Đề án phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022 - 2025, tầm nhìn đến 2030 trên địa bàn tỉnh Quảng Bình; quán triệt, chỉ đạo, tuyên truyền, bảo đảm 100% cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức, người lao động trong toàn ngành làm CCCD gắn chip, đăng ký tài khoản định danh và xác thực điện tử (mức 2); người học trong độ tuổi cấp CCCD trong toàn ngành được làm CCCD gắn chip và đăng ký tài khoản định danh và xác thực điện tử; thực hiện tải ứng dụng VNeID để đăng ký và kích hoạt tài khoản định danh điện tử (mức 1); tuyên truyền sử dụng tài khoản định danh điện tử đăng nhập vào Cổng dịch vụ công quốc gia (<http://dichvucong.gov.vn>) và Cổng dịch vụ công của tỉnh (<http://dichvucong.quangbinh.gov.vn>) để đồng bộ tài khoản người dùng giữa các hệ thống. Thông qua đội ngũ nhà giáo, người học và các kênh thông tin của ngành để tuyên truyền, lan tỏa đến mọi người dân trên địa bàn tỉnh đi làm CCCD gắn chip, đăng ký tài khoản định danh điện tử và sử dụng tài khoản định danh điện tử đăng nhập vào Cổng dịch vụ công quốc gia/Cổng dịch vụ công của tỉnh.

- Triển khai có hiệu quả Kế hoạch số 2569/KH-SGDĐT ngày 21/12/2022 của Sở Giáo dục và Đào tạo về triển khai thực hiện Kế hoạch số 1141/KH-UBND của Ủy ban nhân dân tỉnh về triển khai thực hiện phát triển kinh tế số và xã hội số giai đoạn 2022 - 2025 trên địa bàn tỉnh Quảng Bình; Kế hoạch số 2818/KH-UBND ngày 30/11/2022 của UBND huyện Lệ Thủy về việc thực hiện Chuyển đổi số huyện Lệ Thủy năm 2023.

7. An toàn an ninh mạng

- Tiếp tục đẩy mạnh thực hiện Chỉ thị số 14/CT-TTg ngày 25/5/2018 của Thủ tướng Chính phủ về nâng cao năng lực phòng chống phần mềm độc hại, Chỉ thị số 14/CT-TTg ngày 07/6/2019 của Thủ tướng Chính phủ về việc tăng cường bảo đảm an toàn, an ninh mạng nhằm cải thiện chỉ số xếp hạng của Việt Nam, Chỉ thị số 18/CT-TTg ngày 13/10/2022 của Thủ tướng Chính phủ về đẩy mạnh

triển khai các hoạt động ứng cứu sự cố ATTT mạng Việt Nam.

- Phối hợp Sở Thông tin và Truyền thông hoàn thành phân loại, xác định, đề xuất, phê duyệt cấp độ và triển khai đầy đủ phương án bảo đảm an toàn hệ thống thông tin phù hợp với quy định của pháp luật và tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật cho các hệ thống hạ tầng ứng dụng CNTT, hệ thống thông tin, CSDL, phần mềm dùng chung, chuyên ngành, nội bộ.

- Tiếp tục triển khai các hoạt động giám sát, đánh giá, bảo vệ, ứng cứu các hệ thống thông tin của tỉnh theo mô hình 4 lớp, bảo đảm khả năng thích ứng một cách chủ động, linh hoạt và giảm thiểu các nguy cơ, đe dọa mất ATTT trên không gian mạng, sẵn sàng các giải pháp phòng ngừa và ứng phó khi có sự cố xảy ra.

- Xây dựng và triển khai kế hoạch tổ chức đào tạo hoặc cử nhân sự chuyên trách/phụ trách về ATTT/CNTT tham gia các khóa đào tạo về quản lý, kỹ thuật về ATTT.

- Xây dựng và triển khai kế hoạch tổ chức tuyên truyền, nâng cao nhận thức và phổ biến kiến thức, kỹ năng bảo đảm ATTT cho các cán bộ, công chức, viên chức, người lao động và người học trong toàn ngành.

- Xây dựng và triển khai các quy định, kế hoạch về ứng phó sự cố; các hoạt động của đội ứng cứu sự cố, việc tham gia hoạt động của mạng lưới ứng cứu sự cố ATTT mạng quốc gia. Tham gia diễn tập thực chiến bảo đảm ATTT mạng trong năm 2023 theo yêu cầu của tỉnh.

8. Danh mục các nhiệm vụ, dự án trọng tâm chuyển đổi số năm 2023
(tại Phụ lục kèm theo)

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Phòng Giáo dục và Đào tạo

- Phối hợp với các phòng, ban, ngành liên quan và UBND các xã, thị trấn triển khai, tổ chức thực hiện có hiệu quả các nhiệm vụ đã đề ra trong Kế hoạch.

- Triển khai ứng dụng thống nhất các hệ thống thông tin, CSDL chuyên ngành theo hướng phát triển hệ sinh thái giáo dục, đào tạo thông minh.

- Hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra, giám sát việc thực hiện Kế hoạch.

- Tổ chức kiểm tra, đánh giá ngoài và công nhận mức độ chuyển đổi số của các cơ sở giáo dục trực thuộc; cập nhật kết quả đánh giá trên hệ thống cơ sở dữ liệu ngành Giáo dục trước 15/6 hằng năm; công bố kết quả đánh giá mức độ chuyển đổi số của cơ sở giáo dục trên Cổng/ Trang thông tin điện tử ngành và các phương tiện thông tin đại chúng theo quy định tại Quyết định số 4725/QĐ-BGDĐT ngày 30/12/2022 của Bộ trưởng Bộ GDĐT.

- Tổ chức đánh giá tình hình thực hiện Kế hoạch và cả giai đoạn báo cáo UBND huyện, sở GDĐT theo quy định

2. Các cơ sở giáo dục

- Các cơ sở giáo dục căn cứ nội dung tại Kế hoạch này và các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn liên quan để ban hành Kế hoạch Chuyển đổi số năm 2023 và các kế hoạch khác có liên quan của cơ quan, đơn vị; chịu trách nhiệm trước Trưởng phòng Giáo dục và Đào tạo về kết quả chuyển đổi số của cơ quan, đơn vị mình.

- Chủ động nâng cao tinh thần trách nhiệm, tính quyết liệt trong lãnh đạo, chỉ đạo, quản lý, điều hành của người đứng đầu cơ quan, đơn vị trong việc tổ chức, thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ về ứng dụng CNTT, thực hiện chuyển đổi số để xây dựng thành công “cơ quan số”, “ngành số” tại cấp mình; coi đây là nhiệm vụ trọng tâm, xuyên suốt của cơ quan, đơn vị.

- Xây dựng các chuyên mục tuyên truyền về kế hoạch và kết quả thực hiện chuyển đổi số của ngành, đơn vị trên Cổng thông tin điện tử của ngành, của đơn vị mình. Hàng quý có tin, bài tuyên truyền về công tác Chuyển đổi số được chọn đăng trên Cổng thông tin điện tử của ngành Giáo dục và Trang thông tin điện tử của đơn vị.

- Chủ động đề xuất nguồn lực để thực hiện chuyển đổi số của đơn vị; chủ động đề xuất, triển khai các chương trình cập nhật kiến thức, kỹ năng chuyển đổi số cho cán bộ, viên chức trong đơn vị; tổ chức kiểm tra, đánh giá tình hình thực hiện chuyển đổi số tại đơn vị, báo cáo cấp quản lý theo quy định. Phối hợp chặt chẽ với các đơn vị liên quan trong quá trình tổ chức thực hiện các chương trình, nhiệm vụ, dự án bảo đảm chất lượng, hiệu quả, đúng quy định.

- Rà soát, tham mưu triển khai đồng bộ cơ sở hạ tầng CNTT, trình độ ứng dụng CNTT của cán bộ, giáo viên; tham mưu các cấp bổ sung, đào tạo nhân lực giáo viên tin học bảo đảm ứng dụng các nền tảng số phục vụ quản lý, dạy và học đồng bộ trong từng cấp và liên thông trong toàn ngành.

- Tổ chức áp dụng hình thức dạy, học và thi trực tuyến một cách hiệu quả, linh hoạt, bảo đảm điều kiện thuận lợi cho mọi học sinh đều có khả năng tiếp cận các bài giảng trực tuyến tốt nhất.

- Đẩy mạnh xã hội hóa hoạt động chuyển đổi số trong ngành giáo dục tại đơn vị.

Trên đây là Kế hoạch chuyển đổi số ngành GDĐT huyện Lệ Thủy năm 2023. Phòng GD&ĐT yêu cầu các đơn vị triển khai thực hiện. Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, các đơn vị phản ánh về Phòng GDĐT xem xét, giải quyết./.

Nơi nhận:

- Sở GD&ĐT (Đề b/c);
- UBND huyện (Đề b/c);
- Lãnh đạo, CB, CV;
- Các cơ sở giáo dục;
- Đăng website;
- Lưu: VT, CNTT.

TRƯỞNG PHÒNG

Nguyễn Văn Vững

Phụ lục

DANH MỤC CÁC DỰ ÁN, NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM CHUYỂN ĐỔI SỐ NĂM 2023

(Kèm theo Kế hoạch số /KH-GDDT ngày /3 /2023 của Phòng Giáo dục và Đào tạo)

STT	Nhiệm vụ, dự án	Nội dung, quy mô, chỉ tiêu	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp
I	THỂ CHẾ SỐ			
1.1	Triển khai thực hiện Bộ chỉ số chuyển đổi số (DTI)	Hướng dẫn triển khai thực hiện Bộ chỉ số DTI cấp sở	Phòng GDĐT	Các bộ phận chuyên môn, tài vụ, hành chính, các CSGD
1.2	Triển khai thực hiện Quy chế quản lý, vận hành, ứng dụng hệ thống phần mềm dùng chung tiếp nhận và xử lý phản ánh hiện trường tỉnh Quảng Bình	Hướng dẫn triển khai thực hiện Quy chế chính thức quản lý, vận hành, ứng dụng hệ thống phần mềm dùng chung tiếp nhận và xử lý phản ánh hiện trường tỉnh Quảng Bình	Phòng GDĐT	Các bộ phận chuyên môn, tài vụ, hành chính, các CSGD
1.3	Triển khai thực hiện Quy chế quản lý vận hành và sử dụng hệ thống Hội nghị truyền hình trực tuyến	Hướng dẫn triển khai thực hiện Quy chế quản lý vận hành và sử dụng hệ thống Hội nghị truyền hình trực tuyến	Phòng GDĐT	Các bộ phận chuyên môn, tài vụ, hành chính, các CSGD
1.4	Triển khai thực hiện Bộ chỉ số đánh giá mức độ chuyển đổi số	Hướng dẫn triển khai thực hiện Bộ chỉ số đánh giá mức độ chuyển đổi số cho các cơ sở giáo dục	Phòng GDĐT	Các bộ phận chuyên môn, tài vụ, hành chính, các CSGD
II	NHẬN THỨC SỐ VÀ NHÂN LỰC SỐ			
2.1	Hội nghị quy mô cấp Phòng về chuyển đổi số, xây dựng chính quyền số, đô thị thông minh	Tổ chức các hội nghị quy mô cấp Phòng để truyền thông, nâng cao kiến thức, nhận thức cho đội ngũ CBQL về chuyển đổi số, xây dựng chính quyền số, đô thị thông minh	Phòng GDĐT	Các bộ phận chuyên môn, tài vụ, hành chính, các CSGD

STT	Nhiệm vụ, dự án	Nội dung, quy mô, chỉ tiêu	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp
2.2	Tập huấn, bồi dưỡng kiến thức về chuyển đổi số, kỹ năng số; kỹ năng khai thác, sử dụng các hệ thống thông tin, CSDL dùng chung, chuyên ngành	Tổ chức các lớp tập huấn, bồi dưỡng nâng cao kỹ năng sử dụng, khai thác các hệ thống thông tin, CSDL dùng chung, chuyên ngành cho cán bộ, công chức, viên chức của Phòng GD&ĐT và các CSGD	Phòng GDĐT	Các bộ phận chuyên môn, tài vụ, hành chính, các CSGD
2.3	Rà soát đội ngũ cán bộ phụ trách CNTT	Rà soát đội ngũ cán bộ phụ trách CNTT của các CSGD	Phòng GDĐT	Các bộ phận chuyên môn, tài vụ, hành chính, các CSGD
III	PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG SỐ, NỀN TẢNG SỐ VÀ DỮ LIỆU SỐ			
3.1	Nâng cấp, hoàn thiện hạ tầng, trang thiết bị công nghệ đáp ứng yêu cầu chuyển đổi số tại các đơn vị, CSGD	Nâng cấp, hoàn thiện trang thiết bị hệ thống họp trực tuyến, hệ thống mạng LAN, máy tính, máy in, máy quét, thiết bị số hóa... đáp ứng yêu cầu chuyển đổi số tại các đơn vị, CSGD	Phòng GDĐT	Các bộ phận chuyên môn, tài vụ, hành chính, các CSGD
3.2	Nâng cấp hệ thống thư điện tử công vụ	Nâng cấp, hoàn thiện hệ thống thư điện tử công vụ (tên miền <i>quangbinh.edu.vn</i>); chuẩn hóa hệ thống tài khoản làm tài khoản gốc khai báo cho các hệ thống thông tin dùng chung khác; mở rộng ứng dụng tới các đơn vị sự nghiệp trên địa bàn tỉnh	Phòng GDĐT	Các bộ phận chuyên môn, tài vụ, hành chính, các CSGD
3.3	Tiếp tục triển khai có hiệu quả phần mềm quản lý và tổ chức các kỳ thi chọn học sinh giỏi tỉnh; hệ thống thư viện số cho các trường phổ thông; phần mềm mô phỏng cho các CSGD...	Thực hiện các nhiệm vụ, đề án, dự án triển khai hệ thống quản lý và tổ chức các kỳ thi chọn học sinh giỏi tỉnh; tích hợp phần mềm thi chọn học sinh giỏi tỉnh vào phần hệ thi tập trung của phần mềm phục vụ thi tuyển sinh lớp 10 THPT, tuyển sinh trực tuyến đầu cấp; thư viện điện tử dùng chung cho các trường phổ thông; trang bị phần mềm mô phỏng cho các CSGD phổ thông (hình thành hệ thống phòng học tương tác thông	Phòng GDĐT	Các bộ phận chuyên môn, tài vụ, hành chính, các CSGD

STT	Nhiệm vụ, dự án	Nội dung, quy mô, chỉ tiêu	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp
		minh, phòng thí nghiệm/thực hành, phòng LAP mô phỏng, ứng dụng công nghệ thực tế ảo (VR) và thực tế tăng cường (AR) vào dạy học và thực hành)...		
3.4	Số hóa tài liệu một số lĩnh vực quan trọng ngành Giáo dục và Đào tạo	Xây dựng, thực hiện các nhiệm vụ, đề án, dự án triển khai số hóa hồ sơ tốt nghiệp THPT từ năm 1989 trở về trước và các năm: 2019, 2020, 2021, 2022; hồ sơ cán bộ từ 2015 đến 2021 tại cơ quan Phòng Giáo dục và Đào tạo	Phòng GDĐT	Các bộ phận chuyên môn, tài vụ, hành chính, các CSGD
IV	PHÁT TRIỂN CHÍNH QUYỀN SỐ			
4.1	Tiếp tục thực hiện Đề án 468; nâng cao chất lượng cung cấp và hiệu quả tuyên truyền, phổ biến, trợ giúp người dân và doanh nghiệp tiếp cận, sử dụng dịch vụ trực tuyến	<ul style="list-style-type: none"> - 100% TTHC đủ điều kiện theo quy định của pháp luật được cung cấp bằng hình thức DVCTT - Tỷ lệ hồ sơ trực tuyến phát sinh của từng DVCTT (toàn trình và một phần) tối thiểu 30% trở lên - Tỷ lệ hồ sơ phát sinh thanh toán trực tuyến không dưới 20% - 100% kết quả giải quyết TTHC được trả bản điện tử vào Kho dữ liệu của tổ chức, cá nhân 	Phòng GDĐT	Các bộ phận chuyên môn, tài vụ, hành chính, các CSGD
4.2	Triển khai biên lai điện tử cho việc thu phí, lệ phí... giải quyết thủ tục hành chính	100% cơ quan, đơn vị ứng dụng biên lai điện tử trong thu phí, lệ phí giải quyết TTHC trên Cổng dịch vụ công/hệ thống thông tin một cửa điện tử	Phòng GDĐT	Các bộ phận chuyên môn, tài vụ, hành chính, các CSGD
4.3	Tiếp tục ứng dụng có hiệu quả hệ thống quản lý văn bản và điều hành để gửi nhận văn bản điện tử và lập, nộp, lưu trữ hồ	Tỷ lệ văn bản, hồ sơ công việc được xử lý trên môi trường mạng tại cơ quan phòng GDĐT đạt 92% (trừ hồ sơ công việc thuộc phạm vi bí	Phòng GDĐT	Các bộ phận chuyên môn, tài vụ, hành chính, các CSGD

STT	Nhiệm vụ, dự án	Nội dung, quy mô, chỉ tiêu	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp
	sơ công việc theo quy định	mật nhà nước)		
4.4	Triển khai, duy trì nghiêm túc chế độ báo cáo định kỳ trên hệ thống thông tin báo cáo của tỉnh	- Triển khai thực hiện Khung đánh giá và chế độ báo cáo định kỳ về tình hình kinh tế-xã hội định kỳ phục vụ sự chỉ đạo, điều hành của UBND tỉnh theo Quyết định số 3045/QĐ-UBND ngày 08/11/2022 - 100% chỉ tiêu chế độ báo cáo định kỳ về tình hình kinh tế - xã hội phục vụ sự chỉ đạo, điều hành của UBND tỉnh được thực hiện trên Hệ thống thông tin báo cáo của tỉnh	Phòng GDĐT	Các bộ phận chuyên môn, tài vụ, hành chính, các CSGD
4.5	Triển khai ứng dụng hiệu quả hệ thống Hội nghị truyền hình chuyên dùng của tỉnh	Triển khai ứng dụng hiệu quả hệ thống Hội nghị chuyên dùng chung của tỉnh để tăng cường hội họp, giải quyết công việc qua môi trường mạng, nhất là các cuộc họp 4 cấp, 3 cấp từ Trung ương đến địa phương; các cuộc họp 2 cấp huyện - xã	Phòng GDĐT	Các bộ phận chuyên môn, tài vụ, hành chính, các CSGD
4.6	Triển khai ứng dụng hiệu quả Hệ thống quản lý hồ sơ cán bộ, công chức, viên chức; phần mềm quản lý công tác thi đua, khen thưởng của tỉnh	Tổ chức ứng dụng hiệu quả Hệ thống quản lý hồ sơ cán bộ, công chức, viên chức của tỉnh, huyện có kết nối, chia sẻ dữ liệu với CSDL về CBCC của Bộ Nội vụ; triển khai phần mềm quản lý công tác thi đua, khen thưởng cho các cơ quan, đơn vị ở 3 cấp địa phương	Phòng GDĐT	Các bộ phận chuyên môn, tài vụ, hành chính, các CSGD
4.7	Triển khai ứng dụng các nền tảng, hệ thống công nghệ chuyên ngành, lĩnh vực	- Tiếp nhận, kế thừa, phát triển, sử dụng các hệ thống thông tin, CSDL đã được Trung ương đầu tư, xây dựng - Triển khai các ứng dụng, dịch vụ chuyển đổi số phù hợp với điều kiện bố trí nguồn lực thực hiện	Phòng GDĐT	Các bộ phận chuyên môn, tài vụ, hành chính, các CSGD

STT	Nhiệm vụ, dự án	Nội dung, quy mô, chỉ tiêu	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp
4.8	Tổ chức khai thác, ứng dụng Hệ thống phần mềm dùng chung Tiếp nhận và xử lý phản ánh hiện trường của tỉnh	Tổ chức khai thác, ứng dụng Hệ thống phần mềm dùng chung Tiếp nhận và xử lý phản ánh hiện trường của tỉnh hướng đến nâng cao chất lượng, hiệu quả quản lý nhà nước và cung cấp dịch vụ công, góp phần cải thiện môi trường sống và làm việc tốt hơn cho người dân, doanh nghiệp và khách du lịch trên địa bàn	Phòng GDĐT	Các bộ phận chuyên môn, tài vụ, hành chính, các CSGD
4.9	Chế độ báo cáo định kỳ về tình hình kinh tế - xã hội phục vụ sự chỉ đạo, điều hành của UBND tỉnh được thực hiện trên Hệ thống thông tin báo cáo của tỉnh	100% chỉ tiêu chế độ báo cáo định kỳ về tình hình kinh tế - xã hội phục vụ sự chỉ đạo, điều hành của UBND tỉnh được thực hiện trên Hệ thống thông tin báo cáo của tỉnh; 100% chỉ tiêu theo yêu cầu của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ được kết nối, chia sẻ dữ liệu với Hệ thống thông tin báo cáo của Chính phủ	Phòng GDĐT	Các bộ phận chuyên môn, tài vụ, hành chính, các CSGD
4.10	Xây dựng CSDL chuyên ngành; kết nối, chia sẻ dữ liệu CSDL thuộc danh mục CSDL dùng chung của tỉnh	40% CSDL chuyên ngành được xây dựng; 100% CSDL thuộc danh mục CSDL dùng chung của tỉnh được kết nối, chia sẻ dữ liệu	Phòng GDĐT	Các bộ phận chuyên môn, tài vụ, hành chính, các CSGD
4.11	CSDL toàn ngành được triển khai đầy đủ thông tin cơ bản; triển khai có hiệu quả CSDL toàn ngành, cung cấp thông tin quản lý đầy đủ, tin cậy và kịp thời và chia sẻ hiệu quả với các CSDL quốc gia	CSDL toàn ngành được triển khai đầy đủ thông tin cơ bản; 100% các CSGD mầm non, phổ thông triển khai có hiệu quả CSDL toàn ngành, cung cấp thông tin quản lý đầy đủ, tin cậy và kịp thời và chia sẻ hiệu quả với các CSDL quốc gia	Phòng GDĐT	Các bộ phận chuyên môn, tài vụ, hành chính, các CSGD
4.12	Hoạt động kiểm tra của cơ quan, đơn vị QLGD được thực hiện thông qua môi trường số và hệ thống thông tin của cơ	Trên 35% hoạt động kiểm tra của cơ quan, đơn vị QLGD được thực hiện thông qua môi trường số và hệ thống thông tin của cơ quan, đơn vị quản lí	Phòng GDĐT	Các bộ phận chuyên môn, tài vụ, hành chính, các CSGD

STT	Nhiệm vụ, dự án	Nội dung, quy mô, chỉ tiêu	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp
	quan, đơn vị quản lí			
4.13	Cán bộ, công chức, viên chức và người lao động trong toàn ngành được phổ biến, quán triệt thường xuyên về trách nhiệm và kỹ năng cơ bản bảo đảm ATTT	100% cán bộ, công chức, viên chức và người lao động trong toàn ngành được phổ biến, quán triệt thường xuyên về trách nhiệm và kỹ năng cơ bản bảo đảm ATTT	Phòng GDĐT	Các bộ phận chuyên môn, tài vụ, hành chính, các CSGD
4.14	Cán bộ phụ trách CNTT của các đơn vị, CSGD được bồi dưỡng về ATTT	100% cán bộ phụ trách CNTT của các đơn vị, CSGD được bồi dưỡng về ATTT	Phòng GDĐT	Các bộ phận chuyên môn, tài vụ, hành chính, các CSGD
4.15	Trang thông tin điện tử của phòng GDĐT, các CSGD được cung cấp thông tin thường xuyên, đầy đủ, kịp thời, tuân thủ các quy định tại Nghị định số 43/2011/NĐ-CP của Chính phủ; triển khai có hiệu quả Cổng/trang thông tin điện tử, thư điện tử theo quy định tại Thông tư số 37/2020/TT-BGDĐT của Bộ GDĐT	Trang thông tin điện tử của phòng GDĐT, các CSGD được cung cấp thông tin thường xuyên, đầy đủ, kịp thời, tuân thủ các quy định tại Nghị định số 43/2011/NĐ-CP của Chính phủ; 100% đơn vị triển khai có hiệu quả Cổng/trang thông tin điện tử, thư điện tử theo quy định tại Thông tư số 37/2020/TT-BGDĐT của Bộ GDĐT	Phòng GDĐT	Các bộ phận chuyên môn, tài vụ, hành chính, các CSGD
4.16	- Triển khai có hiệu quả Phần mềm quản lý ngân hàng đề thi, phần mềm Kiểm định chất lượng giáo dục.	- Tối thiểu 80% trường THCS, TH&THCS triển khai có hiệu quả Phần mềm quản lý ngân hàng đề thi. 100% trường mầm non và trường phổ thông được triển khai Phần mềm Kiểm định chất lượng giáo dục.	Phòng GDĐT	Các bộ phận chuyên môn, tài vụ, hành chính, các CSGD
V	PHÁT TRIỂN KINH TẾ SỐ, XÃ HỘI SỐ			

STT	Nhiệm vụ, dự án	Nội dung, quy mô, chỉ tiêu	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp
5.1	Triển khai Ứng dụng Công dân số tập trung tỉnh Quảng Bình	Triển khai thực hiện Ứng dụng Công dân số tập trung tỉnh Quảng Bình, là ứng dụng duy nhất tích hợp các dịch vụ được cung cấp cho người dân trong mọi lĩnh vực của chuyên đổi số; bảo đảm phù hợp với định hướng, yêu cầu định danh, xác thực thống nhất từ Trung ương xuống địa phương	Phòng GDĐT	Các bộ phận chuyên môn, tài vụ, hành chính, các CSGD
5.2	Tăng cường tuyên truyền cán bộ, công chức, viên chức, người lao động và người học trong toàn ngành làm CCCD gắn chip và đăng ký tài khoản định danh điện tử	Tỷ lệ người học từ 15 tuổi trở lên có cài đặt ứng dụng VneID và có tài khoản định danh điện tử đạt trên 70%	Phòng GDĐT	Các bộ phận chuyên môn, tài vụ, hành chính, các CSGD
5.3	Thúc đẩy thanh toán không dùng tiền mặt	60% trường học, CSGD trên địa bàn sử dụng các phương thức thanh toán không dùng tiền mặt để thanh toán học phí và các giao dịch khác	Phòng GDĐT	Các bộ phận chuyên môn, tài vụ, hành chính, các CSGD
5.4	Triển khai nền tảng hỗ trợ dạy, học từ xa và chia sẻ tài nguyên dạy và học	Tỷ lệ CSGD triển khai nền tảng hỗ trợ dạy, học từ xa và có thể chia sẻ tài nguyên dạy và học đạt 60%	Phòng GDĐT	Các bộ phận chuyên môn, tài vụ, hành chính, các CSGD
5.5	Kết nối Internet băng thông rộng, có hạ tầng kỹ thuật đáp ứng được nhu cầu triển khai ứng dụng, sử dụng các hệ thống thông tin, phần mềm phục vụ chuyên đổi số	100% CSGD được kết nối Internet băng thông rộng, có hạ tầng kỹ thuật đáp ứng được nhu cầu triển khai ứng dụng, sử dụng các hệ thống thông tin, phần mềm phục vụ chuyên đổi số; trên 80% điểm trường lẻ được phủ internet tốc độ cao.	Phòng GDĐT	Các bộ phận chuyên môn, tài vụ, hành chính, các CSGD
VI	BẢO ĐẢM ANTT			
6.1	Tiếp tục thực hiện Nghị định số 85/2016/NĐ-CP của Chính	- Phổ biến, quán triệt, nâng cao nhận thức về các mối nguy hại của mã độc và trách nhiệm	Phòng GDĐT	Các bộ phận chuyên môn, tài vụ, hành chính, các

STT	Nhiệm vụ, dự án	Nội dung, quy mô, chỉ tiêu	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp
	<p>phủ, Chỉ thị số 14/CT-TTg ngày 25/5/2018 của Thủ tướng Chính phủ về nâng cao năng lực phòng chống phần mềm độc hại</p>	<p>của các đơn vị, tổ chức, cá nhân trong công tác phòng, chống mã độc.</p> <p>- Hoàn thành việc phân loại, xác định cấp độ và thực hiện phương án bảo đảm an toàn hệ thống thông tin phù hợp với quy định của pháp luật và tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật cho hệ thống hạ tầng ứng dụng CNTT, hệ thống thông tin, CSDL, phần mềm nội bộ, chuyên ngành...</p>		CSGD
6.2	<p>Phổ cập kỹ năng số và an toàn, an ninh chương trình giảng dạy ở các trường học</p>	<p>Triển khai đưa một số nội dung phổ cập kỹ năng số và an toàn, an ninh mạng dựa trên các nền tảng mở, phần mềm nguồn mở vào chương trình giảng dạy từ cấp tiểu học để hình thành sớm các kỹ năng ATTT cần thiết cho công dân số</p>	Phòng GDĐT	<p>Các bộ phận chuyên môn, tài vụ, hành chính, các CSGD</p>